

Số: /BC-UBND

Lam Vỹ, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Tiến độ triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao tại các Kế hoạch, Chương trình của tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Lam Vỹ (tính đến hết ngày 01/4/2026)

Kính gửi:

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;
- Văn phòng Đảng ủy xã Lam Vỹ.

Thực hiện Công văn số 1985/UBND-KGVX ngày 03/03/2026 về việc báo cáo giám sát tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; 381/KHCN-CĐS ngày 10/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc báo cáo giám sát tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Công văn số 200-CV/ĐU ngày 13/02/2026 của Đảng ủy xã Lam Vỹ về phối hợp cung cấp số liệu và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ báo cáo tiến độ triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao tại các Kế hoạch, Chương trình của tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Lam Vỹ (tính đến hết ngày 01/4/2026), cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026

- UBND xã Lam Vỹ đã ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 27/02/2026 của UBND xã Lam Vỹ về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn xã Lam Vỹ;

- Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 17/3/2026 về việc triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn xã Lam Vỹ;

- Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 27/3/2026 của UBND xã Lam Vỹ về việc triển khai thực hiện Chương trình "Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030" trên địa bàn xã Lam Vỹ;

- Trong thời gian tới, UBND xã sẽ tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch (nếu có) theo nội dung hướng dẫn tại Công văn số 315-CV/VPTW ngày 06/02/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Đánh giá Kế hoạch ban hành: Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 của UBND xã Lam Vỹ được xây dựng trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của địa phương; trong đó đã chủ động đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện của xã. Nội dung kế hoạch xác định rõ nhiệm vụ, phân công cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện, thời hạn hoàn thành và kết quả dự kiến, bảo đảm nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn”. Đồng thời, kế hoạch xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung triển khai trong năm 2026, làm cơ sở để các bộ phận chuyên môn tổ chức thực hiện và bố trí nguồn lực phù hợp.

1.2. Thống kê số cuộc họp/Phiên họp của Ban Chỉ đạo/Thường trực Ban Chỉ đạo/lãnh đạo Ban Chỉ đạo với Thường trực Tổ Giúp việc và các cơ quan liên quan

Từ đầu năm 2026 đến ngày 01/4/2026, địa phương chưa phát sinh cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo hoặc lãnh đạo Ban Chỉ đạo với Thường trực Tổ Giúp việc và các cơ quan liên quan.

1.3. Thống kê các nhiệm vụ thực hiện

- Tổng số có bao nhiêu nhiệm vụ được giao: 34, trong đó:
- + Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 34, tỷ lệ 100%, trong đó: số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn: 34, số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 0.
- + Số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn: 0.
- + Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 0.

- Đánh giá kết quả thực hiện: Các nhiệm vụ được giao đã được tổ chức triển khai nghiêm túc, đồng bộ, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ theo Kế hoạch đã ban hành. Nội dung thực hiện bám sát mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của cấp trên; các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi được xác định rõ lộ trình, phân công trách nhiệm cụ thể, có sản phẩm, kết quả thực hiện rõ ràng. Qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn. Không phát sinh nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc chưa hoàn thành.

1.4. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan

Tổng số PAKN, SKGP đã nhận được: 0.

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ không nhận được phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp nào về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp có thẩm quyền chuyển đến qua Hệ thống pakn.nq57.vn hoặc các kênh liên quan.

Số PAKN, SKGP đã giải quyết: 0.

Số PAKN, SKGP tồn đọng/chưa được giải quyết: 0.

Hiện nay, việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống pakn.nq57.vn được thực hiện tập trung ở cấp tỉnh; cấp xã thực hiện xử lý khi có nội dung được chuyên giao theo thẩm quyền. UBND xã Lam Vỹ đã quán triệt cán bộ, công chức theo dõi, sẵn sàng phối hợp xử lý kịp thời khi phát sinh nội dung thuộc phạm vi quản lý.

1.5. Việc báo cáo Trưng ương các tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm cần thiết cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST, CDS) trên Hệ thống pakn.nq57.vn:

Trong kỳ báo cáo, số lượng tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm của địa phương: không có

2. Về hoàn thiện thể chế, quy định, quy trình

2.1. Tình hình, kết quả thực hiện

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ đã tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phạm vi quản lý; kịp thời tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản do cấp trên gửi xin ý kiến theo quy định.

Nội dung góp ý tập trung vào tính khả thi trong tổ chức thực hiện ở cấp cơ sở, bảo đảm phù hợp điều kiện thực tiễn tại địa phương.

2.2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Công tác rà soát, tham gia góp ý văn bản được duy trì nền nếp, bảo đảm quy trình, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu của địa phương trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các ý kiến đề xuất cơ bản sát với điều kiện thực tiễn, hỗ trợ thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện tại cơ sở.

- Tồn tại, hạn chế: Cấp xã không có thẩm quyền trực tiếp hoàn thiện thể chế nên vai trò chủ yếu là tham gia góp ý; một số nội dung chuyên môn sâu cần có hướng dẫn cụ thể hơn từ cơ quan chuyên môn cấp trên.

- Giải pháp: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác rà soát, tham gia góp ý; chủ động phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh.

- Trách nhiệm: Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ chịu trách nhiệm trong việc tổ chức rà soát văn bản, tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tham gia góp ý đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng đối với các dự thảo cơ chế, chính sách khi được lấy ý kiến; đồng thời chủ động đề xuất kiến nghị phù hợp với thực tiễn địa phương theo quy định.

3. Về bảo đảm nguồn nhân lực

3.1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động:

Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ đã ban hành 01 Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và an toàn thông tin trên địa bàn xã; hình thức đào tạo dự kiến thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến theo từng chuyên đề phù hợp với từng lĩnh vực. Trong kỳ báo cáo, xã chưa tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu hoặc tập huấn tập trung, chủ yếu cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, an toàn thông tin và kỹ năng sử dụng các nền tảng số do cấp trên tổ chức.

- Kết quả khắc phục việc nhân sự công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn thiếu và yếu:

Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ đã bố trí 01 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin. Việc bố trí nhân sự cơ bản bảo đảm đầu mối tham mưu, theo dõi và triển khai các nhiệm vụ về công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại địa phương.

- Việc tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng:

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ chưa tổ chức lớp tập huấn tập trung mới về kỹ năng số cho cán bộ và người dân. Tuy nhiên, xã tiếp tục duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xóm; các tổ thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu, góp phần duy trì và thúc đẩy triển khai chuyển đổi số trên địa bàn.

3.2. Nhận xét, đánh giá

- Đánh giá kết quả, chất lượng sau đào tạo, bồi dưỡng:

Đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin và cán bộ, công chức xã sau khi tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức đã cơ bản nắm vững quy trình, kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ công tác chuyên môn. Nhân lực hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp xã (đạt khoảng trên 90% yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao).

Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin phát huy tốt vai trò tham mưu, triển khai nhiệm vụ kỹ thuật; cán bộ phụ trách an toàn thông tin thực hiện nghiêm túc công tác theo dõi, phối hợp với đơn vị Công an trên địa bàn bảo đảm an toàn hệ thống. Tuy nhiên, đối với các nội dung chuyên sâu, phức tạp vẫn cần được bồi dưỡng nâng cao thêm.

- Ưu điểm: UBND xã đã quyết định biệt phái 01 đồng chí (có bằng chuyên môn về công nghệ thông tin) từ Trạm Y tế xã Lam Vỹ về công tác tại phòng Văn hoá – Xã hội để phụ trách thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn xã; có phân công cán bộ phụ trách an toàn thông tin rõ ràng. Công tác cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đầy đủ, kịp thời; duy trì hoạt động thường xuyên của Tổ công nghệ số cộng đồng, góp phần hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số.

- Tồn tại, hạn chế: Trong kỳ báo cáo, xã chưa tổ chức lớp tập huấn tập trung theo Kế hoạch do thực hiện theo lộ trình; lĩnh vực an toàn thông tin hiện do cán bộ phụ trách kiêm nhiệm, chưa có nhân sự chuyên sâu riêng; kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là nhóm cao tuổi, còn cần được tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ.

- Khó khăn, vướng mắc: Biên chế cấp xã hạn chế; yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số ngày càng cao, đòi hỏi kiến thức chuyên sâu và cập nhật thường xuyên.

- Giải pháp: Tổ chức triển khai các lớp tập huấn theo đúng Kế hoạch đã ban hành; tiếp tục cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu; tăng cường tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới; phát huy hơn nữa vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn người dân thực hành trực tiếp.

- Trách nhiệm: Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ chịu trách nhiệm trong việc bố trí, sử dụng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số; tổ chức thực hiện các nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo đúng Kế hoạch; kịp thời khắc phục những hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS

4.1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Việc đề xuất nhiệm vụ, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS trong năm 2026: Dự toán chi ngân sách theo Quyết định 616 ngày 23/12/2025 của UBND xã Lam Vỹ là: 708 triệu đồng.

- Về phân bổ và giải ngân vốn: Tổng kinh phí đã được phân bổ năm 2026: 0,708 tỷ đồng; đã giải ngân: 0 đồng, tỷ lệ (trong đó: Cải cách hành chính và chuyển đổi số là: 0,35 tỷ đồng; sự nghiệp khoa học và công nghệ là: 0,358 tỷ đồng). Tổng kinh phí đã được phân bổ đến thời điểm báo cáo: 0.708 tỷ đồng; đã giải ngân bao nhiêu: 0 đồng, tỷ lệ (0%).

- Việc rà soát và triển khai thực hiện các giải pháp đột phá để phát triển KHCN, ĐMST thông qua việc tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế tài chính.:

Ủy ban nhân dân xã đã rà soát các nội dung chi, bảo đảm bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Trong quá trình triển khai, xã chủ động lồng ghép các nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS vào các chương trình, kế hoạch chuyên môn; ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực được giao.

Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, xã kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn.

- Việc triển khai thực hiện quản lý tài chính theo cơ chế Quỹ:

Cấp xã không tổ chức Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS được thực hiện theo cơ chế ngân sách nhà nước hiện hành.

Nguyên nhân: Theo phân cấp quản lý tài chính, cấp xã không có thẩm quyền thành lập và vận hành Quỹ chuyên ngành; nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm.

4.2 Nhận xét, đánh giá

- Kinh phí được bố trí năm 2026 là 708 triệu đồng, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS theo kế hoạch của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, duy trì hạ tầng kỹ thuật và triển khai các nền tảng số. Tuy nhiên, kinh phí được bố trí chưa đủ 3%.

- Về chủ động đề xuất nhiệm vụ: Xã đã thực hiện đăng ký nhu cầu và xây dựng dự toán đúng thời hạn, bảo đảm theo quy định; không để xảy ra tình trạng chậm trễ do nguyên nhân chủ quan.

- Về bố trí vốn và tiến độ giải ngân: Kinh phí được phân bổ kịp thời; việc sử dụng, giải ngân thực hiện đúng quy định, không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

- Ưu điểm: Chủ động trong công tác lập dự toán; phân bổ, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm công khai, minh bạch.

- Tồn tại, hạn chế: Nguồn kinh phí tuy đã được bố trí nhưng còn hạn chế so với yêu cầu phát triển toàn diện các lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS trong giai đoạn mới.

- Giải pháp: Tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao; lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, có tính lan tỏa cao.

- Trách nhiệm: Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí 708 triệu đồng đúng quy định, bảo đảm hiệu quả, tiết

kiệm, phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương.

5. Về chuyển đổi số

5.1. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

5.1.1. Về hạ tầng số dùng chung

a) Tình hình kết quả thực hiện

- Việc rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện phục vụ chuyển đổi số:

Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ đã chủ động rà soát hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan. Hệ thống đường truyền internet và kết nối mạng cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung. Đa số cán bộ, công chức được trang bị máy tính có cấu hình đáp ứng yêu cầu tối thiểu và các thiết bị làm việc thiết yếu, phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử; đồng thời được cấp và sử dụng chữ ký số cá nhân theo quy định.

Về nhân sự công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Hiện nay, UBND xã đã quyết định biệt phái 01 đồng chí từ Trạm Y tế xã (có bằng chuyên môn về công nghệ thông tin) về công tác tại phòng Văn hoá – Xã hội để phụ trách thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Việc gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối mật:

Việc gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ điện tử tại địa phương được thực hiện thông qua các hệ thống thông tin, mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định. Đối với các văn bản có độ mật, việc quản lý, trao đổi và xử lý được thực hiện theo đúng quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình xử lý và lưu trữ.

- Các nhiệm vụ hoàn thành trong quý II/2026

+ Việc nâng cấp đường truyền Internet:

Hệ thống đường truyền Internet tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã được duy trì ổn định, bảo đảm phục vụ hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Trên địa bàn xã không có khu vực vùng sâu, vùng lõm chưa được cung cấp dịch vụ Internet; tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps đạt 100%;

+ Việc bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp:

Xã đã chủ động rà soát hiện trạng trang thiết bị công nghệ thông tin; bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách để bảo trì, sửa chữa, thay thế các thiết bị xuống cấp theo lộ trình, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong quý II/2026 không phát sinh nhu cầu đầu tư, nâng cấp lớn ngoài kế hoạch.

+ Việc khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin:

Các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung được vận hành ổn định; khi phát sinh lỗi kỹ thuật, xã kịp thời phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên và đơn vị cung cấp dịch vụ để xử lý, không để ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn.

+ Số lượng thôn, bản chưa có điện và sóng di động:

Hiện nay, 100% (19/19) xóm trên địa bàn xã đã được cấp điện lưới quốc gia và được phủ sóng di động, bảo đảm điều kiện triển khai chuyển đổi số.

+ Việc phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 4 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc:

Xã đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 4 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bảo đảm phục vụ ký số văn bản điện tử và trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

- Việc gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối mật:

Việc gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ điện tử tại địa phương được thực hiện thông qua các hệ thống thông tin, mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định. Đối với các văn bản có độ mật, việc quản lý, trao đổi và xử lý được thực hiện theo đúng quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình xử lý và lưu trữ.

- Các nhiệm vụ hoàn thành trong Quý II/2026

+ Việc nâng cấp đường truyền Internet:

Hệ thống đường truyền Internet tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã được duy trì ổn định, bảo đảm phục vụ hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Trên địa bàn xã không có khu vực vùng sâu, vùng lõm chưa được cung cấp dịch vụ Internet; tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps đạt 100%.

+ Việc bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp:

Xã đã chủ động rà soát hiện trạng trang thiết bị công nghệ thông tin; bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách để bảo trì, sửa chữa, thay thế các thiết bị xuống cấp theo lộ trình, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong kỳ báo cáo không phát sinh nhu cầu đầu tư, nâng cấp lớn ngoài kế hoạch.

+ Việc khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin:

Các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung được vận hành ổn định; khi phát sinh lỗi kỹ thuật, xã kịp thời phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên và đơn vị cung cấp dịch vụ để xử lý, không để ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn.

+ Số lượng xóm chưa có điện và sóng di động:

Hiện nay, 100% xóm trên địa bàn xã đã được cấp điện lưới quốc gia và được phủ sóng di động, bảo đảm điều kiện triển khai chuyển đổi số.

+ Việc phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 4 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc:

Xã đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 4 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bảo đảm phục vụ ký số văn bản điện tử và trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

b) Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số; hệ thống Internet, điện, sóng di động phủ kín địa bàn; việc sử dụng chữ ký số được duy trì nền nếp; không phát sinh điểm nghẽn lớn về hạ tầng.

- Tồn tại, hạn chế: Một số trang thiết bị công nghệ thông tin đã qua thời gian sử dụng, cấu hình chưa đồng bộ; việc xử lý sự cố kỹ thuật còn phụ thuộc vào hỗ trợ của đơn vị chuyên môn cấp trên.

- Khó khăn, vướng mắc: Nguồn kinh phí đầu tư nâng cấp hạ tầng còn hạn chế; yêu cầu về an toàn thông tin và bảo mật ngày càng cao.

- Giải pháp: Tiếp tục rà soát, đề xuất đầu tư, thay thế thiết bị theo lộ trình; tăng cường bảo trì, bảo dưỡng hệ thống; phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn để xử lý kịp thời các lỗi phát sinh; nâng cao ý thức bảo đảm an toàn thông tin trong cán bộ, công chức.

- Trách nhiệm: Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ chịu trách nhiệm trong việc quản lý, vận hành, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số; kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong phạm vi thẩm quyền.

5.1.2. Về hạ tầng số dùng chung

Về dữ liệu, nền tảng số

a) Tình hình kết quả thực hiện

- Việc (1) Chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; (2) 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số; (3) Hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây; (4) Số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số:

+ Việc chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử: UBND xã đã chỉ đạo cán bộ, công chức thực hiện tạo lập, xử lý hồ sơ công việc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, từng bước nâng cao tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường điện tử. Việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

+ 100% các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số.

+ Đã thực hiện số hoá tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây, tuy nhiên chưa hoàn thành 100%.

+ Số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số: các quy trình nghiệp vụ chủ yếu của UBND xã đã được thực hiện trên các hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung của tỉnh (hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính...), góp phần từng bước số hóa quy trình xử lý công việc trên môi trường điện tử.

- Việc rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng: đã hoàn thành.

- Việc khắc phục hạ tầng còn thiếu chuẩn hóa:

Trong thời gian qua, UBND xã đã từng bước rà soát, kiện toàn hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan; thống nhất sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm và nền tảng số dùng chung do tỉnh triển khai, góp phần hạn chế tình trạng sử dụng nhiều phần mềm rời rạc, thiếu đồng bộ.

So với năm 2025, hạ tầng công nghệ thông tin của xã cơ bản được ổn định hơn, hệ thống máy tính của cán bộ, công chức được trang bị cơ bản đáp ứng yêu cầu

tối thiểu phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử; việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống một cửa điện tử, thư điện tử công vụ và chữ ký số được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc và từng bước chuẩn hóa quy trình làm việc trên môi trường số.

Tuy nhiên, do điều kiện nguồn lực còn hạn chế, một số thiết bị công nghệ thông tin đã được trang bị từ các năm trước, cần tiếp tục được quan tâm nâng cấp trong thời gian tới để đáp ứng tốt hơn yêu cầu chuyển đổi số.

- Việc chỉnh lý, số hóa các tài liệu lưu trữ của địa phương trước và sau sáp nhập: Đối với tài liệu lưu trữ hình thành trước thời điểm sáp nhập đơn vị hành chính, việc số hóa chưa được triển khai đồng bộ, chủ yếu được quản lý, lưu trữ dưới dạng hồ sơ giấy theo quy định.

Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, UBND xã đã tổ chức rà soát, sắp xếp, chỉnh lý tài liệu lưu trữ, đồng thời từng bước triển khai số hóa hồ sơ, tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, phục vụ công tác quản lý, khai thác và sử dụng trên môi trường điện tử. Đến nay, tài liệu lưu trữ phát sinh sau sáp nhập cơ bản được số hóa và quản lý theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lưu trữ và phục vụ công tác quản lý, điều hành.

b) Nhận xét, đánh giá

- Đánh giá các nền tảng, ứng dụng số đang triển khai:

Các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh được triển khai tại UBND xã như hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, thư điện tử công vụ... cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết công việc. Việc khai thác, sử dụng các nền tảng từng bước được ổn định, góp phần khắc phục tình trạng xử lý công việc thủ công trước đây; khả năng kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống từng bước được cải thiện.

- Đánh giá các nền tảng, ứng dụng số có nguy cơ lãng phí:

Các hệ thống, nền tảng số hiện đang sử dụng tại UBND xã chủ yếu là các hệ thống dùng chung do cấp trên triển khai; cán bộ, công chức thường xuyên khai thác, sử dụng trong thực hiện nhiệm vụ, do đó không phát sinh nền tảng, ứng dụng số có nguy cơ lãng phí.

- Đánh giá việc khắc phục nội dung về hạ tầng:

Hạ tầng công nghệ thông tin của xã từng bước được rà soát, củng cố và khai thác hiệu quả hơn so với trước đây; việc thống nhất sử dụng các hệ thống dùng chung của tỉnh đã góp phần hạn chế tình trạng manh mún, thiếu đồng bộ trong ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan.

- Đánh giá việc trang bị thiết bị và chữ ký số cho cán bộ, công chức:

Đến nay, 100% cán bộ, công chức của xã đã được trang bị máy tính phục vụ công việc và được cấp chữ ký số cá nhân, đáp ứng yêu cầu xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử theo quy định.

- Đánh giá việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử:

Việc tạo lập, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử đã được quan tâm triển khai; tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành từng bước được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Đối với các hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước, việc quản lý, xử lý được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Ưu điểm: Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của UBND xã từng bước được quan tâm triển khai; việc sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh được duy trì thường xuyên; cán bộ, công chức từng bước nâng cao kỹ năng khai thác, sử dụng các phần mềm phục vụ công việc.

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Việc số hóa tài liệu lưu trữ trong một số giai đoạn chưa được thực hiện đồng bộ; một số thiết bị công nghệ thông tin đã được trang bị từ các năm trước, cấu hình còn hạn chế; cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và chuyển đổi số phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác.

- Nguyên nhân: Do điều kiện biên chế và nguồn lực của cấp xã còn hạn chế; kinh phí đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn khó khăn; khối lượng công việc tại cơ sở lớn trong khi nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin còn mỏng.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung; từng bước rà soát, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin; tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: UBND xã xác định trách nhiệm trong việc tiếp tục chỉ đạo, tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại địa phương; đồng thời tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thời gian tới.

5.1.3. Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

a) Tình hình kết quả thực hiện

- Báo cáo thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ tháng 01/2026 đến hết ngày 01/4/2026:

1. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến:

- Trực tiếp: 0 hồ sơ;
- Trực tuyến: 119 hồ sơ;
- BCCI (Bưu chính công ích): 0 hồ sơ.

2. Tỷ lệ cung cấp DVC trực tuyến:

- Toàn trình: 159
- Một phần: 348

3. Tỷ lệ đồng bộ đồng bộ lên cổng DVC quốc gia: $649/649 = 100\%$.

4. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- tổng số hồ sơ của TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 642 hồ sơ; chưa số hoá: 3 hồ sơ; đã số hoá 639 hồ sơ, đạt 99,5 %.

Số hồ sơ nhận giải quyết: Tổng số 661 hồ sơ, trong đó:

- + Số kỳ trước chuyển qua là: 12 hồ sơ;
- + Số mới tiếp nhận trực tiếp: 01 hồ sơ;
- + Số mới tiếp nhận trực tuyến: 648 hồ sơ.
- + Số tiếp nhận BCCI: 0 hồ sơ

Kết quả giải quyết:

- Tổng số 652 hồ sơ. Trong đó:
- + Số hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn: 651 hồ sơ;

- + Số hồ sơ giải quá hạn : 01 hồ sơ;
- Tổng số hồ sơ đang giải quyết là: 09 hồ sơ.
- + Số hồ sơ đang giải quyết chưa đến hạn: 09 hồ sơ;
- + Số hồ sơ quá hạn : 00 hồ sơ;

- Việc thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính:

Địa phương đã công bố thực hiện 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết và đã đi vào vận hành thực tế theo quy định.

- Các cơ quan ở địa phương (thuộc khối cơ quan Đảng, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội) theo chức năng, nhiệm vụ: đã thực hiện rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu (ưu tiên đề xuất cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu cầu xác nhận hoặc xin xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo); đã số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số; trong kỳ báo cáo không có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

b) Nhận xét, đánh giá

Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt 100%; trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 45,69%. Chưa đạt mức cao.

Trong kỳ báo cáo, không phát sinh hồ sơ thủ tục hành chính của tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

Công tác số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu đạt tỷ lệ cao, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có trong hệ thống; không phát sinh biểu hiện lãng phí trong quá trình số hóa.

- Ưu điểm: Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và tái sử dụng dữ liệu duy trì ở mức cao; công tác công khai, minh bạch và trả kết quả điện tử được thực hiện đúng quy định.

- Tồn tại, hạn chế: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình chưa đạt mức tối đa; kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc khai thác hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

- Khó khăn, vướng mắc: Trong quá trình khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số liệu thống kê tại một số mục và chức năng báo cáo trên hệ thống chưa thực sự thống nhất, dẫn đến còn có sự chênh lệch giữa các biểu thống kê và với số liệu theo dõi, tổng hợp tại đơn vị; gây khó khăn trong quá trình đối chiếu và tổng hợp số liệu phục vụ công tác báo cáo. Đề nghị sở, ngành cấp tỉnh tiếp tục rà soát, tham mưu hoàn thiện hệ thống để bảo đảm tính chính xác, thống nhất của số liệu.

- Nguyên nhân: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình chưa đạt mức tối đa chủ yếu do đặc thù cơ cấu thủ tục hành chính phát sinh trong kỳ, trong đó nhiều thủ tục hành chính hiện được cấu hình ở mức dịch vụ công trực tuyến một phần theo danh mục đã công bố. Bên cạnh đó, trong quá trình khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, một số chức năng thống kê, tổng hợp số liệu trên hệ thống

chưa thực sự đồng bộ giữa các biểu báo cáo, dẫn đến còn có sự chênh lệch khi theo dõi, tổng hợp số liệu tại đơn vị.

- Giải pháp: Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; đồng thời khai thác hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã được cung cấp. Thường xuyên rà soát, phản ánh những vướng mắc phát sinh trong quá trình sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để các sở, ngành cấp tỉnh kịp thời tham mưu điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống, bảo đảm việc thống kê, tổng hợp số liệu được chính xác, thống nhất.

- Trách nhiệm: UBND xã xác định trách nhiệm trong việc tăng cường chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại địa phương; đồng thời tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, bảo đảm đúng quy định và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

5.2. Về xã hội số

5.2.1. Tình hình kết quả thực hiện

- Việc tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số:

Trong kỳ báo cáo, địa phương chưa tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính và văn hóa công chức cho cán bộ, công chức. Tuy nhiên, UBND xã đã quán triệt cán bộ, công chức chủ động nghiên cứu, khai thác các tài liệu hướng dẫn, nền tảng học tập trực tuyến do cấp trên cung cấp, đặc biệt là nền tảng "Bình dân học vụ số", từng bước nâng cao kỹ năng số phục vụ thực hiện nhiệm vụ trên môi trường điện tử.

- Việc duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng:

Các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã tiếp tục được duy trì hoạt động; phối hợp với các đoàn thể, xóm tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số như dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng số phục vụ đời sống.

Các nhà văn hóa xóm được tận dụng làm điểm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số và hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ số khi cần thiết.

- Về triển khai mô hình chuyển đổi số cấp xã:

UBND xã chủ động phối hợp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến mô hình chuyển đổi số cấp xã theo hướng dẫn của cấp trên, từng bước ứng dụng các nền tảng số trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ người dân, góp phần thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tại địa phương.

5.2.2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số từng bước được quan tâm triển khai; hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã được duy trì, góp phần hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số. Việc khai thác các nền tảng số và tài liệu học tập trực tuyến, trong đó có nền tảng "Bình dân học vụ số", góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức.

- Tồn tại, hạn chế: Trong kỳ báo cáo, địa phương chưa tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức; việc phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng dân cư còn hạn chế. Hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn

người dân tiếp cận các dịch vụ số ở một số thời điểm chưa được thực hiện thường xuyên.

- Khó khăn, vướng mắc: Điều kiện trang thiết bị, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của một bộ phận người dân còn hạn chế; nguồn lực phục vụ cho công tác chuyển đổi số tại cơ sở còn khó khăn; lực lượng tham gia hỗ trợ chuyển đổi số tại địa phương chủ yếu kiêm nhiệm.

- Nguyên nhân: Do điều kiện nhân lực của địa phương còn hạn chế, cán bộ phụ trách công tác chuyển đổi số chủ yếu kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực chuyên môn, khối lượng công việc lớn nên việc tham mưu, tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề về kỹ năng số chưa được triển khai thường xuyên.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số; khuyến khích cán bộ, công chức chủ động nghiên cứu, nâng cao kỹ năng số, đồng thời đề nghị cấp trên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp cơ sở.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: UBND xã xác định trách nhiệm trong việc tăng cường chỉ đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển xã hội số tại địa phương; đồng thời tiếp tục phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh để từng bước khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả triển khai chuyển đổi số trong thời gian tới.

5.3. Về an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước

5.3.1. Tình hình kết quả thực hiện

UBND xã Lam Vỹ luôn quan tâm, chú trọng triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại địa phương, thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Hệ thống mạng nội bộ (LAN) của UBND xã Lam Vỹ đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin cấp 2 theo quy định; đồng thời được đầu tư, lắp đặt các thiết bị cần thiết nhằm bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình vận hành, phục vụ kết nối, khai thác các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

5.3.2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã được quan tâm triển khai; hệ thống mạng nội bộ (LAN) của cơ quan đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và được trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ vận hành. Cán bộ, công chức cơ bản thực hiện nghiêm các quy định về sử dụng hệ thống thông tin, chữ ký số và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình xử lý công việc trên môi trường điện tử.

- Tồn tại, hạn chế:

- + Một số thiết bị công nghệ thông tin được trang bị từ các năm trước nên hiệu năng khai thác chưa cao, chưa đáp ứng tốt yêu cầu vận hành các ứng dụng mới và các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin hiện nay.

- + Công tác cập nhật kiến thức, bồi dưỡng chuyên môn về an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức chưa được tổ chức thường xuyên; kỹ năng nhận diện, phòng ngừa các nguy cơ mất an toàn thông tin của một số cán bộ còn hạn chế.

- Khó khăn, vướng mắc:

+ Nguồn kinh phí dành cho đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin còn hạn chế; việc thay thế, nâng cấp thiết bị chưa được thực hiện đồng bộ.

+ Đội ngũ cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về công nghệ thông tin tại cấp xã còn mỏng, chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm nên việc theo dõi, quản trị, giám sát an toàn hệ thống thông tin còn gặp khó khăn.

- Nguyên nhân:

+ Hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư theo từng giai đoạn, phụ thuộc vào nguồn kinh phí được phân bổ nên chưa bảo đảm tính đồng bộ.

+ Nhận thức và điều kiện tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về an toàn thông tin của cán bộ, công chức còn hạn chế; công tác đào tạo, cập nhật kiến thức chưa được tổ chức thường xuyên ở cấp cơ sở.

- Giải pháp:

+ Tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống mạng nội bộ và các thiết bị công nghệ thông tin; từng bước đề xuất nâng cấp, thay thế các thiết bị không còn đáp ứng yêu cầu nhằm bảo đảm hiệu quả vận hành và an toàn hệ thống thông tin.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức; nâng cao ý thức và kỹ năng phòng ngừa, xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin trong quá trình sử dụng hệ thống.

+ Đẩy mạnh phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh trong việc hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ kỹ thuật nhằm bảo đảm hệ thống thông tin của đơn vị được vận hành an toàn, ổn định.

- Trách nhiệm: UBND xã Lam Vỹ xác định trách nhiệm trong việc tổ chức quản lý, vận hành hệ thống mạng nội bộ và triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định. Trong thời gian tới, đơn vị sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản lý, chủ động khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên; đồng thời phối hợp với các cơ quan chuyên môn để từng bước nâng cao mức độ an toàn, ổn định của hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương.

6. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

6.1. Tình hình, kết quả thực hiện

-Việc hoạt động của doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS.

Trên địa bàn xã hiện không có doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS. Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, chưa hình thành mô hình doanh nghiệp chuyên sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, chưa hình thành mô hình doanh nghiệp chuyên sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, đô thị thông minh:

Trên địa bàn xã chưa hình thành mô hình hợp tác “Nhà nước – Nhà khoa học – Doanh nghiệp” theo quy mô chính thức; chưa có khu công nghệ cao, khu đô thị thông minh. Xã chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính

sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, chính sách hỗ trợ khi có nhu cầu.

- Việc tích hợp, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý nhà nước:

Ủy ban nhân dân xã không xây dựng hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) độc lập. Việc ứng dụng AI được triển khai ở mức hỗ trợ công việc chuyên môn thông qua các nền tảng, công cụ dùng chung và dịch vụ thuê ngoài.

Hiện nay, xã sử dụng một số công cụ hỗ trợ dựa trên công nghệ AI phục vụ tra cứu thông tin, tổng hợp tài liệu, soạn thảo văn bản, trong đó có hệ thống iKnow do VNPT cung cấp. Việc sử dụng các công cụ này nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc, rút ngắn thời gian tham mưu, tổng hợp báo cáo.

Quá trình khai thác, sử dụng bảo đảm tuân thủ quy định về bảo mật thông tin; không nhập, xử lý dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc thông tin nhạy cảm trên các nền tảng bên ngoài hệ thống quản lý chính thức.

6.2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được quan tâm; môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn ổn định; chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.

- Tồn tại, hạn chế: Chưa có doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo; chưa hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ở quy mô địa phương.

- Khó khăn, vướng mắc: Quy mô kinh tế nhỏ; số lượng doanh nghiệp ít; lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ yếu truyền thống; chưa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao và các dự án công nghệ.

- Nguyên nhân: Địa bàn xã không phải khu vực trung tâm kinh tế, công nghiệp; điều kiện hạ tầng và thị trường còn hạn chế; nhu cầu đầu tư lĩnh vực công nghệ cao chưa phát sinh.

- Giải pháp: Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính; phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên để hỗ trợ khi có tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Trách nhiệm: Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ chịu trách nhiệm trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo, đề xuất cơ quan cấp trên các giải pháp thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ khi có phát sinh.

7. VỀ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST, CDS

7.1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Việc bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức KHCN, ĐMST, kỹ năng số:

UBND xã Lam Vỹ đã bố trí 01 cán bộ chuyên trách phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại cơ quan theo quy định. Cán bộ, công chức của xã được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số và an toàn thông tin do cấp trên tổ chức, góp phần nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong thực hiện nhiệm

vụ. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã được duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính liên tục, thông suốt trên môi trường điện tử.

- Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin:

Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và cán bộ phụ trách an toàn thông tin của xã được cử tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do các cơ quan cấp trên tổ chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản trị hệ thống và bảo đảm an toàn thông tin.

- Kết quả khắc phục tình trạng thiếu nhân sự công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Hiện nay UBND xã đã bố trí 01 cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại địa phương.

- Việc tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng: UBND xã duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xóm nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số phục vụ đời sống.

7.2. Nhận xét, đánh giá

- Đánh giá kết quả, chất lượng sau đào tạo, bồi dưỡng:

Qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, công nghệ thông tin và an toàn thông tin do cấp trên tổ chức, cán bộ chuyên trách và cán bộ, công chức của UBND xã Lam Vỹ cơ bản nắm được các kỹ năng cần thiết trong khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành và các nền tảng số phục vụ công việc. Nhân lực của đơn vị cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại địa phương; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các hệ thống thông tin phục vụ công việc đạt 100%.

- Ưu điểm: Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng cao nhận thức và kỹ năng về chuyển đổi số; cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan tại cơ quan.

- Tồn tại, hạn chế: Trình độ chuyên sâu về công nghệ thông tin và an toàn thông tin của cán bộ tại cấp xã còn hạn chế; việc cập nhật kiến thức, kỹ năng mới về công nghệ chưa được thực hiện thường xuyên.

- Khó khăn, vướng mắc: Nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về công nghệ thông tin tại cơ sở còn ít; điều kiện tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu còn hạn chế.

- Nguyên nhân: Công tác công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại cấp xã chủ yếu do số lượng cán bộ ít, nhiều nhiệm vụ kiêm nhiệm; nguồn lực dành cho đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số và an toàn thông tin do cấp trên tổ chức; tăng cường tự học, cập nhật kiến thức mới về công nghệ nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: UBND xã Lam Vỹ nghiêm túc tiếp thu, xác định trách nhiệm trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; đồng thời tiếp tục chỉ đạo các bộ phận chuyên môn khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thời gian tới.

8. Về công tác phòng, chống lãng phí

8.1. Tình hình, kết quả thực hiện

- UBND xã Lam Vỹ quán triệt nghiêm các quan điểm, chỉ đạo của Trung ương và của đồng chí Tổng Bí thư về nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, gắn với thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí trong hoạt động của cơ quan.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, UBND xã chú trọng kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực con người, thời gian và kinh phí; phân công nhiệm vụ rõ ràng, bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, hạn chế tình trạng chùng chေo, lãng phí nguồn lực.

- Người đứng đầu cơ quan thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn chủ động rà soát, kịp thời nhận diện các nguy cơ có thể dẫn đến lãng phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đồng thời đề ra các giải pháp phòng ngừa, khắc phục ngay từ đầu, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực tại địa phương.

8.2. Nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí được quan tâm chỉ đạo; việc sử dụng nguồn lực trong cơ quan cơ bản bảo đảm hiệu quả, đúng quy định.

- Tồn tại, hạn chế: Công tác rà soát, đánh giá nguy cơ phát sinh lãng phí trong một số lĩnh vực đôi khi chưa được thực hiện thường xuyên.

- Khó khăn, vướng mắc: Khối lượng công việc tại cơ sở nhiều trong khi số lượng cán bộ, công chức còn hạn chế.

- Nguyên nhân: Công tác phòng, chống lãng phí trong một số nội dung chưa được quan tâm đúng mức; việc theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực đôi khi chưa kịp thời.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Trách nhiệm: UBND xã Lam Vỹ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn nghiêm túc khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Cấp ủy, chính quyền xã Lam Vỹ đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chỉ đạo của cấp trên; chủ động rà soát, xác định các nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để tổ chức triển khai thực hiện.

- Người đứng đầu cơ quan đã chỉ đạo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận chuyên môn, bảo đảm rõ trách nhiệm trong quá trình tổ chức thực hiện; chủ động đề xuất, triển khai các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, không trông chờ hoàn toàn vào sự phân công của Ban Chỉ đạo.

- Các nhiệm vụ được triển khai cơ bản bảo đảm tiến độ theo kế hoạch; mục tiêu, nội dung thực hiện từng bước được cụ thể hóa gắn với điều kiện thực tế của địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của cơ quan.

- Trong quá trình thực hiện, UBND xã chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên để triển khai các nhiệm vụ có liên quan; đồng thời tổng hợp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Không có kiến nghị, đề xuất.

2. Đối với Quốc hội: Không có kiến nghị, đề xuất.

3. Đối với Chính phủ: Không có kiến nghị, đề xuất.

4. Đối với Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương
Không có kiến nghị, đề xuất.

5. Đối với ban, bộ, ngành Trung ương: Không có kiến nghị, đề xuất.

6. Đối với Ban Chỉ đạo:

Đề nghị tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Trên đây là báo cáo tiến độ triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao tại các Kế hoạch, Chương trình của tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Lam Vỹ (tính đến hết ngày 01/4/2026)./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, PVHXXH.loclv.lv.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ma Văn Quyết